**THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023 (BỔ SUNG LẦN 4)**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2023 của UBND tỉnh)*

**I. THUYẾT MINH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ**

**1. Kinh phí mua sắm thiết bị dạy học các trường học trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023**

a) Về thực trạng đầu tư, mua sắm thiết bị trường học trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, nhằm triển khai có hiệu quả các Đề án, Chương trình giáo dục do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, giúp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2025, hằng năm, trên cơ sở tham mưu của Sở Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đã phân bổ, bố trí kinh phí từ các nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh để mua sắm, bổ sung các thiế bị dạy học cho các trường trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó mỗi năm sẽ ưu tiên cho các lớp trong lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa theo quy định như: Năm học 2021-2022: bổ sung thiết bị cho lớp 1, lớp 2, lớp 6; Năm học 2022-2023: bổ sung thiết bị cho lớp 3, lớp 7, lớp 10. Gần nhất vào tháng 12 năm 2022, các đơn vị, địa phương đã được UBND tỉnh bố trí kinh phí tại Quyết định số 2632/QĐ-UBND để đầu tư mua sắm thiết bị phòng Tin học, Ngoại ngữ và một số thiết bị dạy học, thiết bị dùng chung cho các môn học, với số tiền là 108.595,569 triệu đồng. Hiện nay, các địa phương đã xây dựng được danh mục các thiết bị, lập dự toán chi tiết và tiến hành quy trình thẩm định giá để chuẩn bị thực hiện các bước lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông năm học 2023-2024 là năm học đầu tiên áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 4, lớp 8, lớp 11. Để đảm bảo điều kiện dạy và học theo Chương trình thì cần thiết phải mua sắm các thiết bị theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu quy định tại các Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT, 38/2021/TT-BGDĐT, 39/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo báo cáo của các địa phương, hàng năm đã bố trí kinh phí để mua sắm, tuy nhiên các trường học trên địa bàn toàn tỉnh vẫn còn nhu cầu rất lớn để mua sắm bổ sung các thiết bị phục vụ công tác dạy và học, cụ thể là thiết bị dạy học các môn như: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lý, Khoa học tự nhiên, Hóa học, Thể dục…; cũng như các dụng cụ, học liệu, đồ chơi, đồ dùng học tập ở tất cả các cấp (*do nhiều thiết bị dùng chung và thiết bị phục vụ giảng dạy cho từng môn học của các trường đã cũ, hỏng hóc do được đầu tư từ lâu, một số thiết bị không còn phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các thiết bị không đồng bộ, không đầy đủ theo quy định...)* dẫn đến không đảm bảo chất lượng công tác dạy học tại các trường. Nhiều địa phương cũng đề xuất với UBND tỉnh về việc mua sắm bổ sung các thiết bị để hoàn thành các tiêu chí trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2023.

Do đó, cần thiết phải bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh để hỗ trợ đầu tư mua sắm đồng bộ, đảm bảo danh mục thiết bị dạy học theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trong các nhà trường.

b) Về phương pháp xây dựng, thẩm định dự toán mua sắm thiết bị dạy học năm 2023:

Từ thực trạng đầu tư, mua sắm thiết bị dạy và học nêu trên, UBND tỉnh đã có Công văn số 2843/UBND-TH ngày 11/5/2023 giao Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố rà soát việc mua sắm thiết bị dạy học các trường học theo phạm vi quản lý trong năm 2023. Trên cơ sở đó, các đơn vị, địa phương đã chỉ đạo phòng chuyên môn tổ chức họp, thống nhất với các trường học thuộc phạm vi quản lý để xây dựng danh mục đề xuất mua sắm bổ sung các thiết bị năm 2023 gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để cho ý kiến, thẩm định về danh mục.

 Trên cơ sở danh mục thiết bị theo đề xuất của các đơn vị, địa phương, căn cứ các quy định hiện hành, Sở Giáo dục và Đào tạo đã thành lập tổ để thực hiện thẩm định về sự cần thiết; danh mục, quy mô, số lượng thiết bị đề nghị mua sắm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Qua tổng hợp kết quả thẩm định nhu cầu mua sắm của các huyện, thành phố năm 2023; rà soát đăng ký nhu cầu kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị dạy học cấp THPT; Sở Giáo và Đào tạo đã tổng hợp nhu cầu kinh phí mua sắm thiết bị năm 2023 của các đơn vị, địa phương, với tổng số tiền là 117.156,49 triệu đồng.

Căn cứ trên danh mục thiết bị do Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, Sở Tài chính đã tổ chức cuộc họp ngày 19/6/2023 (*có biên bản cuộc họp gửi kèm*) với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố để thảo luận một số nội dung liên quan đến việc mua sắm các thiết bị dạy học, trong đó có nội dung thống nhất về việc áp dụng bộ đơn giá chung (kèm theo một số yêu cầu chung về quy cách, cấu hình) đối với một số thiết bị tin học, điện tử có giá trị cao như: Máy vi tính để bàn, máy xách tay, máy in, ti vi, điều hòa, máy chiếu … làm cơ sở để xây dựng dự toán kinh phí. Đối với các thiết bị khác, Sở Tài chính thực hiện tham khảo giá trên thị trường để thẩm định dự toán do Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương đề nghị. Sau khi thẩm định, số kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2023 là 80.075,468 triệu đồng.

(*Chi tiết theo biểu 01a, 01b kèm theo*)

**2. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm năm 2023:**

Chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm được quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, cụ thể tại điểm a khoản 2 Điều 1, Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 11 lần lượt quy định:

*“****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng***

*…2. Nghị định này áp dụng đối với:*

*a) Sinh viên học trình độ đại học, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên theo hình thức đào tạo chính quy, liên thông chính quy và sinh viên học văn bằng thứ 2 theo hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên có kết quả học lực văn bằng thứ 1 đạt loại giỏi (sau đây gọi chung là sinh viên sư phạm). ….”*

*“****Điều 4. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ***

*1. Mức hỗ trợ:*

*a) Sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo giáo viên nơi theo học;*

*b) Sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường.*

*2. Thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt được xác định theo số tháng thực tế học tập tại trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học. Trong trường hợp tổ chức giảng dạy theo học chế tín chỉ, cơ sở đào tạo giáo viên có thể quy đổi mức hỗ trợ cho phù hợp với học chế tín chỉ. Tổng kinh phí hỗ trợ của cả khóa học theo học chế tín chỉ không vượt quá mức hỗ trợ quy định cho khóa học theo năm học”.*

*“****Điều 5. Lập dự toán, chi trả kinh phí hỗ trợ***

*2. Chi trả kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:*

*a) Kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm chi cho giáo dục, đào tạo tại các địa phương, bộ, ngành theo các quy định hiện hành;*

*b) Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu chi trả trực tiếp cho cơ sở đào tạo giáo viên kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt của sinh viên sư phạm theo cơ chế Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đối với các sinh viên sư phạm thuộc đối tượng giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.*

*Đối với kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm trong chỉ tiêu Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo nhưng không thuộc đối tượng giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu, được bố trí trong dự toán hằng năm của cơ sở đào tạo giáo viên được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;*

*c) Cơ sở đào tạo giáo viên có trách nhiệm chi trả tiền hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm thông qua tài khoản tiền gửi của sinh viên tại ngân hàng.*

*“****Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh***

*3. Chi trả kinh phí thực hiện quyết định giao nhiệm vụ, hợp đồng đào tạo giáo viên với các cơ sở đào tạo giáo viên theo đúng định mức quy định tại Điều 4 Nghị định này …”*

Theo quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt danh sách sinh viên sư phạm được xét chọn đặt hàng đào tạo giáo viên theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP năm 2022-2023 tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 (Quyết định số 829/QĐ-UBND), theo đó 39 sinh viên sư phạm được xét chọn đặt hàng đào tạo giáo viên theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP (Chỉ tiêu đặt hàng của tỉnh Bắc Kạn) và giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đặt hàng đào tạo sinh viên.

Ngày 01/6/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1257/SGDĐT-KHTC về việc bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, trong đó đơn vị đề nghị cấp bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên đại học sư phạm khóa học 2022-2026 theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, với số tiền 2.387,58 triệu đồng.

Cơ quan chuyên môn căn cứ số lượng sinh viên được xét chọn đặt hàng đào tạo giáo viên tại Quyết định số 829/QĐ-UBND; thời gian hỗ trợ chính sách được xác định theo số tháng thực tế, nhưng không quá 10 tháng/năm học đối với sinh viên sư phạm đào tạo theo chương trình của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên (Cơ sở đào tạo giáo viên ký kết hợp đồng đào tạo với Sở Giáo dục và Đào tạo tại Hợp đồng số 1234/HĐĐT-SGDĐTBK ngày 29/5/2023, cụ thể: năm học 2022-2023 là 10 tháng (Từ tháng 10/2022-7/2023), năm học 2023-2024 là 03 tháng (tháng 10/2023-12/2023); định mức hỗ trợ tiền đóng học phí (học phí áp dụng mức thu thay đổi từng năm học do Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên), chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP để thẩm định dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; kinh phí sau thẩm định 2.387,58 triệu đồng.

Năm 2022, trên cơ sở tham mưu của các cơ quan chuyên môn, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP thực hiện năm 2023; theo đó Hội đồng nhân dân tỉnh đã phân bổ một phần kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo với số tiền là 900 triệu đồng (tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2022). Số kinh phí còn thiếu phải phân bổ cho đơn vị để thực hiện chính sách trên là 1.487,58 triệu đồng.

*(Chi tiết số liệu theo Biểu số 02 kèm theo)*

**3. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ**

Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã có các Quyết định: Số 1037-QĐ/TU ngày 13/6/2023 về phê duyệt danh sách và kinh phí cho cán bộ hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP; số 1073/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 về việc phê duyệt kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ năm 2023; số 1074/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 về việc phê duyệt kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ cho đối tượng tinh giản biên chế đợt nghỉ 01/5/2023, cụ thể:

a. Về đối tượng:

Tổng số đối tượng được hỗ trợ kinh phí là 06 người, trong đó:

+ Đối tượng được hỗ trợ kinh phí theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP: 03 người.

+ Đối tượng được hỗ trợ kinh phí theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP: 03 người.

b. Về kinh phí:

Tổng kinh phí thực hiện chi trả chính sách là 800,433 triệu đồng, cụ thể:

- Kinh phí thực hiện chi trả chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là 397,654 triệu đồng, bao gồm:

+ UBND huyện Ba Bể: 31,641 triệu đồng.

+ Hội Nông dân tỉnh: 202,606 triệu đồng.

+ UBND huyện Ngân Sơn: 163,407 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện chi trả chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP đợt nghỉ 01/5/2023 (phần ngân sách tỉnh cấp bổ sung) là 402,779 triệu đồng, bao gồm:

+ Trường Cao đẳng Bắc Kạn: 208,081 triệu đồng.

+ UBND huyện Ngân Sơn: 47,539 triệu đồng.

+ UBND thành phố Bắc Kạn: 147,159 triệu đồng.

**II. THUYẾT MINH VỀ NGUỒN KINH PHÍ PHÂN BỔ**

Tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh điều hành thuộc dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ là 321.570 triệu đồng. Tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/3/2023, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 5/6/2023 của HĐND tỉnh đã phân bổ cho các đơn vị, địa phương là 89.936,589 triệu đồng (sự nghiệp giáo dục - đào tạo 23.984,826 triệu đồng; sự nghiệp kinh tế 64.136 triệu đồng, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 1.815,763 triệu đồng); theo đó nguồn chi thường xuyên tỉnh điều hành chưa phân bổ là 231.633,411, thuộc các lĩnh vực sau:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2023 là 185.828,174 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 45.805,237 triệu đồng.

Trên cơ sở các nguồn kinh phí chưa phân bổ nêu trên, UBND tỉnh đề xuất phân bổ và giao dự toán tổng số tiền 82.363,481 triệu đồng *(Tám mươi hai tỷ ba trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng)* cho các đơn vị, địa phương để thực hiện nhiệm vụ từ các nguồn như sau:

1. Phân bổ và giao dự toán từ nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tổng số tiền 81.563,048 triệu đồng *(Tám mươi mốt tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) để các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023, trong đó:

- Phân bổ và giao dự toán số tiền 80.075,468 triệu đồng *(Tám mươi tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* cho Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố để mua sắm thiết bị dạy và học các trường học trên địa bàn tỉnh năm 2023;

- Phân bổ và giao dự toán số tiền 1.487,58 triệu đồng *(Một tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)* cho Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm năm 2023;

2. Phân bổ và giao dự toán từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 tổng số tiền 800,433triệu đồng (*Tám trăm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng*) để thực hiện chi trả chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP;Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đợt 01/4 năm 2023, gồm:

- Hội Nông dân tỉnh 202,606 triệu đồng.

- Trường Cao đẳng Bắc Kạn 208,081 triệu đồng.

- UBND huyện Ba Bể 31,641 triệu đồng.

- UBND huyện Ngân Sơn 210,946 triệu đồng.

- UBND thành phố Bắc Kạn 147,159 triệu đồng./.